

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Mường Lý,
huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi tiết và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp và thiết bị đồ dùng khu ở nội trú cho các trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuyển bị dự án để lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Mường Lý, huyện Mường Lát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6323/SXD-HĐXD ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3175/TTr-SGDĐT ngày 02/10/2020 (kèm theo hồ sơ dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Mường Lý, huyện Mường Lát.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Tại xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

5.1. Nhà nội trú 01 tầng 10 phòng

a) Hiện trạng công trình

- Công trình có quy mô 01 tầng, chiều cao nền nhà so với sân là 0,45m. Mặt bằng công trình hình chữ nhật có kích thước 36m x 8,91m, bố trí 8 phòng nội trú, giao thông theo phương ngang bằng hành lang trước nhà rộng 2,1m.

- Nền nhà lát gạch Ceramic hiện trạng đã hư hỏng, bong tróc toàn bộ, một số vị trí bị sụt lún; hệ thống cửa của công trình là cửa gỗ kính, đã bong tróc lớp sơn, một số cửa sổ đã bị vỡ kính cần được thay thế kính. Toàn bộ cửa đi đã cong vênh, mối mọt; hoa sắt cửa sổ bị hoen rỉ. tường trong và ngoài nhà, trần đã bị rêu mốc và bong tróc. hệ thống điện đã hư hỏng, không đảm bảo an toàn và không đáp ứng được nhu cầu sử dụng. hệ thống cấp nước từ suối không đảm bảo.

b) Nội dung cải tạo

- Tháo bỏ toàn bộ gạch lát nền hiện trạng, bù phụ những chỗ bị sụt lún bằng bê tông đá 4x6 mác 100# sau đó lát lại bằng gạch Ceramic 500x500mm.

- Thay thế toàn bộ cửa đi, hệ thống cửa sổ được vệ sinh, sơn lại, lắp đặt mới các pa nô kính bị vỡ.

- Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ tường trong, ngoài nhà, trần, dầm, cạnh cửa, sơn hoàn thiện lại 3 nước.

- Tháo dỡ toàn bộ thiết bị điện, dây điện, ống gen hiện trạng, thay thế toàn bộ thiết bị và dây dẫn mới.

5.2. Giếng khoan, sân giếng: Giếng khoan sâu 70m, đường kính 160mm; sân giếng kích thước 3,0x5,0m; cấu tạo mặt sân: bê tông đá 1x2 mác 200# dày 100mm, lớp lót bê tông đá 4x6 mác 100# dày 100mm, lớp ni lông lót.

6. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 549.929.000 đồng; trong đó:

Chi phí xây dựng: 465.077.000 đồng.

Chi phí Quản lý dự án: 13.876.206 đồng.

Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 51.916.917 đồng.

Chi phí khác: 8.275.621 đồng.

Chi phí dự phòng: 10.782.915 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

7. Nguồn vốn đầu tư: Theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi tiết và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp và thiết bị đồ dùng khu ở nội trú cho các trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2020

8. Hình thức thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c) ;
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền ;
- PCVP UBND tỉnh Đinh Quang Hưng;
- Lưu: VT, VX.(hongtt)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công trình: Sửa chữa, cải tạo khu ở nội trú trường PTDTBT THCS Mường Lý, huyện Mường Lát

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		422.797.273	42.279.727	465.077.000
1	Sửa chữa, cải tạo khu nhà ở nội trú		Theo bảng tổng hợp kinh phí	331.992.727	33.199.273	365.192.000
2	Khoan giếng và sân giếng		nt	90.804.545	9.080.455	99.885.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN		$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,282\%$	13.876.206		13.876.206
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv		47.197.197	4.719.720	51.916.917
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật		$G_{XD}^{trước VAT} \times 6,500\%$	27.481.823	2.748.182	30.230.005
3	Chi phí thẩm tra thiết kế (Thông tư 16/2019/TT-BXD)		Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
4	Chi phí thẩm tra dự toán (Thông tư 16/2019/TT-BXD)		Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
5	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp (Thông tư 16/2019/TT-BXD)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,432\%$	1.826.484	182.648	2.009.133
6	Chi phí giám sát thi công xây lắp (Thông tư 16/2019/TT-BXD)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 3,285\%$	13.888.890	1.388.889	15.277.779
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		8.241.797	33.824	8.275.621
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Thông tư 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019)		$G_{GSXD}^{trước VAT} \times 20\%$	2.777.778		2.777.778

2	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật		$TMĐT \times 0,019\% \times 50\%$	52.250		52.250
3	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp		Mức tối thiểu	2.000.000		2.000.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,080\%$	338.238	33.824	372.062
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 10/2020/TT-BTC)		$TMĐT \times 0,570\%$	3.073.531		3.073.531
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	GDP				10.782.915
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		$(I+II+III+IV+V) \times 2,0\%$			10.782.915
	TỔNG CỘNG					549.928.659
	LÀM TRÒN					549.929.000